**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI NGHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2012/TT- NHNN *Hà Nội, ngày tháng năm 2012*

**THÔNG TƯ**

**DỰ THẢO**

**Quy định về nghiệp vụ chiết khấu công cụ chuyển nhượng,**

**giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh**

**ngân hàng nước ngoài với khách hàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các công cụ chuyển nhượng số 49/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về nghiệp vụ chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

**1.** Thông tư này quy định chi tiết nghiệp vụ chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

**2.** Thông tư này không quy định việc chiết khấu, tái chiết khấu (mua, bán) giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm: Ngân hàng thương mại, công ty tài chính và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khách hàng chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá là chủ sở hữu giấy tờ có giá, người thụ hưởng công cụ chuyển nhượng, bao gồm: Tổ chức khác ở trong nước không phải là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức khác) là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật; cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động, sinh sống hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự về năng lực dân sự của pháp nhân nước ngoài.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác.

2. Công cụ chuyển nhượng là giấy tờ có giá ghi nhận lệnh thanh toán hoặc cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định vào một thời điểm nhất định.

3. Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng của người thụ hưởng, mua có kỳ hạn hoặc mua hẳn giấy tờ có giá của chủ sở hữu giấy tờ có giá trước khi đến hạn thanh toán.

4. Thời hạn còn lại của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá là khoảng thời gian tính từ ngày giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận chiết khấu đến ngày đến hạn thanh toán của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đó.

5. Thời hạn chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá là khoảng thời gian tính từ ngày công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận chiết khấu đến ngày khách hàng có nghĩa vụ thực hiện cam kết mua lại giấy tờ có giá đó.

6. Giá chiết khấu là số tiền mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả cho khách hàng khi thực hiện chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá.

**Điều 4. Điều kiện tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá**

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khi có đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp có ghi nội dung cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng.

2.Ban hành quy trình chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng phù hợp với quy định tại Thông tư này, pháp luật về hoạt động cấp tín dụng và pháp luật có liên quan.

3.Đảm bảo các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Có trụ sở, mạng lưới và nhân sự để thực hiện việc chiết khấu giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, đảm bảo hoạt động chiết khấu được an toàn và hiệu quả.

**Điều 5. Nguyên tắc chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá**

Việc chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng, phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Các công cụ chuyển nhượng, Thông tư này, các quy định của pháp luật có liên quan và tập quán thương mại quốc tế.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng tiền chiết khấu khả thi, khả năng tài chính của mình và mục đích sử dụng số tiền chiết khấu hợp pháp trước khi quyết định chiết khấu.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tổ chức xét duyệt chiết khấu theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá và quyết định thực hiện chiết khấu.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xem xét, quyết định việc chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn, thu hồi đầy đủ, đúng hạn số tiền đã chiết khấu.

5. Đối với các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá có mệnh giá, ghi trả bằng ngoại tệ, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

6. Đối với việc chiết khấu công cụ chuyển nhượng có yếu tố nước ngoài, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện theo các quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng về áp dụng điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế trong quan hệ công cụ chuyển nhượng có yếu tố nước ngoài và quy định của pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

**Điều 6. Loại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được chiết khấu**

1. Các loại công cụ chuyển nhượng phát hành ở Việt Nam hoặc phát hành ở nước khác được chuyển nhượng ở Việt Nam được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn chiết khấu bao gồm:

a) Hối phiếu đòi nợ;

b) Hối phiếu nhận nợ;

c) Séc;

d) Các loại công cụ chuyển nhượng khác được chiết khấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các loại giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn chiết khấu bao gồm:

a) Các giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Các loại trái phiếu được phát hành theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, bao gồm: Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương;

d) Các tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Điều kiện công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được nhận chiết khấu**

1. Công cụ chuyển nhượng được tổ chức tín dụng nhận chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:

a) Được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc tập quán thương mại quốc tế;

b) Thuộc quyền thụ hưởng hợp pháp của khách hàng;

c) Trên công cụ chuyển nhượng không ghi cụm từ “Không được chuyển nhượng”, “Cấm chuyển nhượng”, “Không trả theo lệnh” hoặc cụm từ có ý nghĩa tương tự;

d) Còn thời hạn thanh toán.

2. Giấy tờ có giá được các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:

a) Được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và được phát hành bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi;

b) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng;

c) Chưa đến hạn thanh toán;

d) Được phép giao dịch (mua, bán, tặng, cho, chuyển đổi, chuyển nhượng, cầm cố, bảo lãnh và các giao dịch hợp pháp khác) theo quy định của pháp luật;

e) Được thanh toán theo quy định của tổ chức phát hành.

**Điều 8. Đồng tiền chiết khấu**

1. Đối với công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá ghi trả bằng đồng Việt Nam, thì đồng tiền chiết khấu là đồng Việt Nam.

2. Đối với công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá ghi trả bằng ngoại tệ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng thỏa thuận đồng tiền chiết khấu trên cơ sở đồng ngoại tệ ghi trên công cụ chuyển nhượng, mệnh giá ghi bằng ngoại tệ của giấy tờ có giá và phù hợp với quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng và quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

**Điều 9. Phương thức chiết khấu**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng thỏa thuận, lựa chọn các phương thức chiết khấu sau đây:

1. Đối với công cụ chuyển nhượng:

a) Chiết khấu có kỳ hạn;

b) Mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng.

2. Đối với giấy tờ có giá:

a) Chiết khấu có kỳ hạn;

b) Chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (mua hẳn giấy tờ có giá).

**Điều 10. Giá, thời hạn, lãi suất chiết khấu và các chi phí liên quan**

1. Giá chiết khấu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở giá trị thanh toán của công cụ chuyển nhượng, giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, lãi suất chiết khấu và thời hạn còn lại của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá.

2. Thời hạn chiết khấu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận, nhưng không vượt quá thời hạn thanh toán còn lại của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá.

3. Lãi suất chiết khấu và các chi phí khác có liên quan đến việc chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

4. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản tiền chiết khấu quá hạn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng chiết khấu nhưng không vượt quá 150% lãi suất chiết khấu đã áp dụng trong thời hạn chiết khấu.

**Điều 11. Hợp đồng chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá**

Hợp đồng chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá (sau đây gọi tắt là hợp đồng chiết khấu) bao gồm những nội dung thỏa thuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng: Tên, địa chỉ của khách hàng; giá chiết khấu; mục đích sử dụng số tiền chiết khấu; đồng tiền chiết khấu; thời hạn chiết khấu; lãi suất chiết khấu và các chi phí liên quan; quyền và nghĩa vụ của các bên; các trường hợp chấm dứt hợp đồng chiết khấu trước thời hạn; xử lý vi phạm hợp đồng; các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 12. Mức chiết khấu tối đa đối với một khách hàng**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xem xét quy định mức chiết khấu tối đa đối với một khách hàng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng.

**Điều 13. Thủ tục chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá**

1. Khi có đề nghị của khách hàng về việc chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thẩm định các điều kiện và xem xét, đánh giá khả năng thanh toán của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá để quyết định việc nhận chiết khấu. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yêu cầu khách hàng chứng minh công cụ chuyển nhượng có đủ điều kiện chiết khấu theo quy định tại Thông tư này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá chiết khấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấp thuận chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá cho khách hàng, khách hàng chuyển giao ngay và thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Đối với trường hợp chiết khấu có thời hạn, việc thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng về mua bán, chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, Luật Các công cụ chuyển nhượng, Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng**

1. Khách hàng chiết khấu có quyền:

a) Quyết định lựa chọn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thực hiện chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá.

b) Có quyền từ chối các yêu cầu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng chiết khấu.

c) Nhận lại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá từ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hợp đồng chiết khấu có kỳ hạn khi hết thời hạn chiết khấu

d) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng chiết khấu theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng chiết khấu có nghĩa vụ:

a) Cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh công cụ chuyển nhượng có đủ điều kiện thực hiện chiết khấu theo quy định tại Thông tư này.

b) Cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh phương án sử dụng tiền chiết khấu khả thi, khả năng tài chính của mình và mục đích sử dụng số tiền chiết khấu hợp pháp.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng số tiền chiết khấu công cụ chuyển nhượng đúng mục đích đã quy định trong hợp đồng chiết khấu.

d) Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng chiết khấu và các cam kết khác;

đ) Thực hiện đúng cam kết mua lại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khi đến hạn chiết khấu có kỳ hạn.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền:

a) Yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh công cụ chuyển nhượng có đủ điều kiện thực hiện chiết khấu theo quy định tại Thông tư này.

b) Yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh phương án sử dụng tiền chiết khấu khả thi, khả năng tài chính của mình và mục đích sử dụng số tiền chiết khấu hợp pháp.

c) Từ chối yêu cầu chiết khấu của khách hàng nếu thấy công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá không đủ điều kiện để chiết khấu hoặc việc sử dụng tiền chiết khấu không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có đủ nguồn vốn để chiết khấu.

d) Thực hiện quyền truy đòi đối với khách hàng và những người có liên quan về số tiền không được thanh toán đối với công cụ chuyển nhượng, tiền lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày công cụ chuyển nhượng đến hạn thanh toán, chi phí truy đòi và các chi phí hợp lý khác theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng, quy định của pháp luật có liên quan và thỏa thuận của các bên.

đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền chấm dứt việc chiết khấu, thu hồi nợ trước hạn chiết khấu nếu phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng chiết khấu.

e) Khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nghĩa vụ:

a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng chiết khấu.

b) Thực hiện chuyển ngay và làm các thủ tục về chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho khách hàng chiết khấu có kỳ hạn khi khách hàng thanh toán đủ số tiền gốc, tiền lãi chiết khấu và các chi phí khác liên quan.

c) Thực hiện bảo quản, sử dụng công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Phân loại và trích lập dự phòng rủi ro**

1. Khi thực hiện chiết khấu có kỳ hạn, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với số tiền chiết khấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khi thực hiện chiết khấu theo hình thức mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (mua hẳn giấy tờ có giá), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và xử lý khoản dự phòng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

**Điều 17. Hạch toán kế toán, thống kê và báo cáo nghiệp vụ chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc hạch toán kế toán, báo cáo thống kê đối với các khoản chiết khấu công cụ chuyển nhượng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ hạch toán kế toán và báo cáo thống kê.

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thay thế các quy định về chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1325/2004/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 17/2006/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 4 năm 2006 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 10 và Điều 12 Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1325/2004/QĐ-NHNN và các quy định về chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 63/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006.

2. Đối với các hợp đồng chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khách hàng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng chiết khấu đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng chiết khấu phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức khác và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**THỐNG ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như khoản 3 Điều 18;

- Thủ tướng Chính phủ và

các Phó Thủ tướng (để báo cáo);

- Ban Lãnh đạo NHNN;

- Văn phòng Chính phủ;

- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);

- Công báo;

- Lưu: VP, Vụ CSTT.